TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2020
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tố – Ông Ngô Trọng Thế
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2010/QĐ-HPT ngày 20/7/2020 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/2/1991.
Nơi ĐKHKTT: xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)
- Bị đơn: Anh Phan Doãn Q, sinh ngày 29/3/1988.
Nơi ĐKHKTT: xóm 1, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do).

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Doãn Q cưới nhau vào tháng 4/2016, trước khi cưới chị, anh có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục, được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của xóm làng bạn bè. Trước khi cưới chị, anh đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 22 ngày 26/4/2016. Sau khi cưới thì vợ chồng sống với nhau hai năm nhưng vẫn không có con chung, phần nào chị T cũng vụng về trong việc chăm lo xây dựng hạnh phúc cho vợ chồng và bên nội. Nên phía bên nội đối xử không tốt đối với chị đã có những thái độ xa lánh, xử sự không tôn trong chị. Chị T thấy hôn nhân của chị có dấu hiệu tan rã vì mục đích không đạt được như anh Q và bên nội mong muốn, nên chị T đã bỏ về bên ngoại sống ly thân đối với anh Q. Sau khi về bên ngoại chị không làm chủ được bản thân mình đã có con với người khác. Biết

được toàn bộ sự việc anh Q và bên nội đã cắt đứt các liên hệ đối với chị T, anh Q cũng không có ý thức níu kéo hôn nhân. Nay chị T xác định hôn nhân giữa chị T và anh Q đã đổ vỡ không thể hàn gắn, vợ chồng đã mất hết tình cảm, niềm tin đối với nhau, chị T đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Doãn Q để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Doãn Q quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh Q có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác để giải quyết, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của chị để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị T, anh Q cơ bản đúng như chị Nguyễn Thị T đã trình bày.

XÉT THẤY:

-Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Phan Doãn Q, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh Q không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt, bị đơn anh Phan Doãn Q vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị T, anh Q. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Phan Doãn Q.

- Về nội dung:

+) Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Doãn Q đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị T, anh Q là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới chị, anh đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 22 ngày 26/4/2016 qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Doãn Q là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Phan Doãn Q bước đầu được xác định là vợ chồng sống với nhau 2 năm không có con chung, lỗi là do chị T. Ngoài ra do chị T vụng về trong việc chăm lo xây dựng hạnh phúc cho vợ chồng và bên nội. Nên anh Q và phía bên nội đã có những lời nói, hành động xử sự thiếu tôn trọng chị T khi chị T và anh Q đang sống chung. Sau khi chị T sống ly thân đối với anh Q chị đã quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến có con, từ đó anh Q đã mất hết niềm tin, tình cảm đối với chị T đã cắt đứt các liên lạc, liên hệ. Qua đó cho

thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh Q không còn gắn kết nữa, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Doãn Q là có căn cứ, cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Doãn Q.

+) Về quan hệ con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét.

+) Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+) Về án phí : Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình .

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Doãn Q.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26; Điều 27, điểm e điều 11 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghỡn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ(Ba trăm nghỡn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0007378 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS H.Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh NA
- UBND xã T(ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu hs, VP

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc